

THỰC TRẠNG BỒI DƯỠNG HỌC SINH HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC DỰ BỊ ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

**Nguyễn Tuấn Anh, Lê Trọng Tuấn, Hồ Thị Bích Thủy,
Trần Bá Điều, Tạ Xuân Phương, Nguyễn Thị Kim Chi**
Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung Ương

Tóm tắt: Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Sau khi đất nước được giải phóng, nhiều trường DBĐH trên cả nước được thành lập, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Gần nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, hệ thống các trường DBĐH đã khẳng định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục dân tộc, ... Do vậy, việc điều tra, khảo sát thực trạng bồi dưỡng hệ DBĐH tại các cơ sở giáo dục DBĐH là việc làm ý nghĩa, góp phần tạo nguồn đào tạo nhân lực trình độ cao cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030.

Từ khóa: Bồi dưỡng, DBĐH, dân tộc thiểu số và miền núi, học sinh, thực trạng

Nhận bài ngày 28/12/2023 ; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28/03/2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Tuấn Anh; Email: diencdvp@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc đã nêu rõ một số quan điểm về công tác dân tộc trong thời kỳ mới, trong đó tập trung phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số (DTTS); giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống các DTTS trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất [1].

Nhận thấy tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực DTTS, ngày 15/6/2016, Chính phủ ban hành Nghị quyết 52/NQ - CP về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định “*phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực các DTTS là một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước*”, từ đó đề ra mục tiêu thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực các DTTS, nâng cao dân trí, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng DTTS giai đoạn 2016-2020. Nghị quyết cũng nêu rõ định hướng

đến năm 2030 là “*nâng cao, phát triển toàn diện nguồn nhân lực các DTTS về thể lực, trí lực và tác phong, kỹ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các DTTS có nguồn nhân lực còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước*” [2]. Một trong những khâu then chốt được xác định để thực hiện mục tiêu này chính là phát triển nguồn nhân lực DTTS vì nhân lực được xem là một yếu tố có tính chiến lược, quyết định quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), chính sách bồi dưỡng hệ dự bị đại học (DBĐH) cho học sinh là người DTTS&MN đã góp phần to lớn trong đào tạo nguồn nhân lực vùng DTTS&MN suốt thời gian qua. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có vấn đề đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết là tìm giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo hệ DBĐH phục vụ cho công tác tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung khái quát về hệ DBĐH; Tổ chức khảo sát thực trạng bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH tại các cơ sở giáo dục DBĐH. Từ đó đánh giá thực trạng bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH tại các cơ sở DBĐH và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học sinh DBĐH đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông và giáo dục đại học trong thời gian tới.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát hệ dự bị đại học

Luật Giáo dục (2019) chỉ rõ: “*Trường DBĐH thuộc loại trường chuyên biệt. Nhà nước thành lập trường DBĐH cho con em DTTS, con em các gia đình dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhằm góp phần đào tạo tạo nguồn cán bộ cho các vùng này. Trường DBĐH được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách, lựa chọn bố trí cán bộ, giáo viên, nhân viên để đảm bảo việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường DBĐH được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước*” [3].

Thông tư 24/2011/TT-BGDĐT quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của trường DBĐH, cụ thể như sau:

“Trường DBĐH chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trường đặt trụ sở; Trường DBĐH có chức năng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong việc tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi, vùng dân tộc.

Nhiệm vụ của trường DBĐH: Tổ chức tuyển chọn; bổ túc kiến thức; bồi dưỡng văn hóa cho học sinh để có đủ trình độ vào học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quản lý, tổ chức đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh; Phối hợp với các tổ chức, cá nhân và gia đình của học sinh trong hoạt động giáo dục; Giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa dân tộc; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật” [4].

Hiện nay, toàn quốc hiện có 4 trường DBĐH dân tộc, gồm: 1) Trường DBĐH Dân tộc Trung ương (Việt Trì, Phú Thọ); 2) Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn (Thanh Hóa); 3) Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Nha Trang (Khánh Hòa); 4) Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh; 5) 01 trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có hệ DBĐH dân tộc là Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc; 04 khoa DBĐH dân tộc thuộc các trường đại học, học viện: 1) Trường Đại học Tây Nguyên; 2) Trường Đại học Cần Thơ; 3) Trường Đại học Trà Vinh; 4) Học viện Dân tộc với tổng quy mô đào tạo trên 5.000 học sinh/năm.

2.2. Thực trạng bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH tại các cơ sở giáo dục DBĐH

2.2.1. Về tuyển sinh

Có thể nói, tuyển sinh tại các cơ sở giáo dục DBĐH là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, nhiệm vụ “sống còn” của các nhà trường. Khảo sát kết quả tuyển sinh của 05 cơ sở giáo dục DBĐH từ năm 2017 đến năm 2022, nhóm nghiên cứu thu được kết quả như sau:

Bảng 1: Thực trạng tuyển sinh hệ DBĐH của các cơ sở giáo dục DBĐH giai đoạn 2017-2022

TT	Cơ sở giáo dục DBĐH	Giai đoạn từ 2017 đến 2022		
		Chỉ tiêu tuyển sinh	Số lượt đăng kí xét tuyển	Kết quả tuyển sinh
1	Trường DBĐH Dân tộc Trung ương	4.700	7.070	4.869 (104%)
2	Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn	3.450	3.572	2002 (58,03%)
3	Trường DBĐH Dân tộc TW Nha Trang	2.800	2.967	1.814 (64,79%)
4	Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh	3.080	3.612	2.035 (66,07%)
5	Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc	1.750	1.827	1.618 (92,46%)
	TỔNG SỐ	15.780	19.048	12.338 (78,19%)

Từ kết quả tuyển sinh của 05 cơ sở giáo dục DBĐH trong giai đoạn 2017-2022, có thể nhận thấy, Trường DBĐH Dân tộc Trung ương (TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ) là cơ sở DBĐH duy nhất trong khối các trường dự bị đạt và vượt chỉ tiêu tuyển sinh hệ DBĐH. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh của Trường DBĐH Dân tộc Trung ương chiếm số lượng và tỉ lệ cao nhất so với các cơ sở giáo dục khác. Cụ thể trong **4.700** chỉ tiêu (2017-2022), các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 chỉ tiêu tuyển sinh mỗi năm là 900 học sinh; các năm 2020-2021, 2021-2022 Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng chỉ tiêu tuyển sinh lên 1000 chỉ tiêu. Mặc dù công tác tuyển sinh vào các trường DBĐH dân tộc nói riêng và đặc biệt các trường đại học đều gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Trường DBĐH Dân tộc Trung ương vẫn tuyển sinh đủ và vượt chỉ tiêu được giao. Kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ tuyển sinh của nhà trường trong 05 năm (2017-2022) đạt **104%**.

Đứng ở vị trí thứ hai là Trường Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc với **1.618** học sinh/1750 chỉ tiêu, chiếm tỉ lệ **92,46%**. Trong 05 cơ sở DBĐH, điều khác biệt của Trường Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc với các cơ sở khác là nhà trường có hệ phổ thông trung học, vì vậy hệ DBĐH trong nhà trường, chỉ tiêu hằng năm được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh không nhiều như 04 trường DBĐH, khoảng 350 học sinh/năm. Bên cạnh đó, nhiều yếu tố thuận lợi về vị trí địa lí, đối tượng học sinh THPT học tập tại trường nên hằng năm về cơ bản nhà trường tuyển gần đủ học sinh so với chỉ tiêu được giao.

Ở vị trí thứ ba là Trường DBĐH Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh. Trong 05 năm từ 2017-2022, nhà trường được giao 3.080 chỉ tiêu tuyển sinh. Kết quả thống kê cho thấy, có **2.035** học sinh trúng tuyển, nhập học, chiếm tỉ lệ **66,07%**. Đáng chú ý trong 02 năm 2021, 2022 số lượng học sinh trúng tuyển chỉ bằng và dưới 50% so với chỉ tiêu. Năm 2021, nhà trường được giao 640 học sinh nhưng chỉ tuyển được **285** học sinh, chiếm tỉ lệ **44,53%** so với chỉ tiêu tuyển sinh của năm học. Năm 2022, trước sự thụt giảm trầm trọng của số lượng học sinh đăng kí xét tuyển vào nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm học của Trường DBĐH Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh xuống

còn 570 chỉ tiêu. Tuy nhiên, kết thúc tuyển sinh nhà trường cũng chỉ tuyển được **321** học sinh, chiếm tỉ lệ **56,31** chỉ tiêu tuyển sinh trong năm học.

Cũng như Trường DBĐHDBĐH Dân tộc TP. Hồ Chí Minh, hai cơ sở giáo dục còn lại là Trường DBĐHDBĐH Nha Trang và Sầm Sơn, số lượng học sinh trúng tuyển, nhập học cũng chưa đảm bảo được chỉ tiêu hằng năm. Đứng ở vị trí thứ tư là Trường DBĐH Dân tộc Nha Trang với tổng chỉ tiêu trong 05 năm (2017-2022) là **2.800** chỉ tiêu. Tuy nhiên, kết quả tuyển sinh, qua điều tra, tỉ lệ đạt được chỉ chiếm **64,79%** với **1.814** học sinh. Tại Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn, giai đoạn 2017-2022, công tác tuyển sinh cũng gặp rất nhiều khó khăn, khi tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào nhà trường ngày càng có xu thế giảm xuống so với các năm học trước. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường trong 05 năm là **3.450** học sinh, nhưng thực tế chỉ tuyển được 2002 học sinh, chiếm tỉ lệ **58,03%**.

Như vậy, từ kết quả điều tra, khảo sát, chúng tôi nhận thấy trong tổng số **15.780** chỉ tiêu được giao cho 05 cơ sở giáo dục DBĐH giai đoạn 2017-2022, tỉ lệ tuyển sinh đạt **78,19%** với **12.338** học sinh được tham gia quá trình bồi dưỡng kiến thức hệ DBĐH. Trong đó, số lượng học sinh DTTS đến từ các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn (KV3) là **1664** học sinh, chiếm tỉ lệ **13,49%**; học sinh DTTS rất ít người là **44** học sinh, chiếm tỉ lệ **0,28%**. Đi sâu vào thực trạng công tác tuyển sinh từng nhà trường, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng tuyển sinh ngày càng giảm sút (trừ trường hợp của Trường DBĐH Dân tộc Trung ương).

2.2.2. Về kết quả học tập và rèn luyện của học viên

Trong giai đoạn từ 2017 đến 2022, xác định việc *Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học* là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong công tác giáo dục và đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học. Vì vậy, các nhà trường đều tập trung nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng học sinh nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tạo nguồn cán bộ người DTTS cho các tỉnh miền núi. Kết quả công tác bồi dưỡng học sinh DBĐH được thể hiện trong các bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 2: Kết quả học tập của học sinh tại các cơ sở giáo dục DBĐH giai đoạn 2017-2022

TT	Cơ sở giáo dục DBĐH	Tổng số	Kết quả học tập				
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Không đạt
1	Trường DBĐH Dân tộc Trung ương	4441 (39%)	119	1417	1670	1165	70
2	Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn	1707 (15%)	2	276	876	553	0
3	Trường DBĐH DT TW Nha Trang	1662 (15%)	32	485	635	476	34
4	Trường DBĐH thành phố Hồ Chí Minh	1926 (17%)	39	349	775	746	17
5	Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc	1071 (10%)	49	276	435	311	0
Tổng số		10807 (100%)	241	2803	4391	3251	121

Từ bảng kết quả học tập của học sinh tại 05 cơ sở giáo dục DBĐH giai đoạn 2017-2022, có thể thấy công tác bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH tại các nhà trường đạt được những kết quả rất tích cực. Trong tổng số 10807 học sinh được bồi dưỡng của 05 cơ sở giáo dục DBĐH giai đoạn 2017-2022,

Trường DBĐH Dân tộc Trung ương là đơn vị có số lượng và tỉ lệ học sinh lớn nhất với 4.441 học sinh, chiếm tỉ lệ 41%. Đứng thứ hai là Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh với 1.926 học sinh, chiếm tỉ lệ 18%. Ở vị trí thứ 3 là Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn có 1.707 học sinh, chiếm tỉ lệ 15.8%. Trường DBĐH Dân tộc Nha Trang xếp vị trí thứ 4 với 1.662 học sinh, chiếm tỉ lệ 15.0%. Ở vị trí cuối cùng là Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc khi có 1.071 học sinh, chiếm tỉ lệ 10.0%.

Bảng 3: Kết quả rèn luyện của học sinh tại các cơ sở giáo dục DBĐH giai đoạn 2017-2022

TT	Cơ sở giáo dục DBĐH	Tổng số	Kết quả rèn luyện (từ 2017 đến 2022)				
			Xuất sắc	Tốt	Khá	TB	Không đạt
1	Trường DBĐH Dân tộc Trung ương	4441	1610	2082	733	16	0
2	Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn	1707	473	1161	73	0	0
3	Trường DBĐH DT TW Nha Trang	1662	116	1160	386	0	0
4	Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh	1926	887	776	262	1	0
5	Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc	1071	603	385	83	0	0
	Tổng số	10807	3689 34.1%	5564 51.5%	1537 14.2%	17 0.2%	0

Trong tổng số 10807 học sinh được xếp loại rèn luyện, qua biểu đồ thể hiện số lượng và tỉ lệ %, chúng ta thấy, có: 3689 học sinh xếp loại rèn luyện xuất sắc, chiếm tỉ lệ 34.1%; 5564 học sinh xếp loại rèn luyện Tốt, chiếm tỉ lệ 51.5%; 1537 học sinh xếp loại Khá, chiếm tỉ lệ 14.2%; và 17 học sinh xếp loại Trung bình, chiếm tỉ lệ 0.2%. Đáng chú ý là tất cả các cơ sở DBĐH không có học sinh nào bị xếp loại không đạt yêu cầu.

Như vậy, việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh tại 05 cơ sở DBĐH luôn được các nhà trường chú trọng. Cùng với kết quả học tập của học sinh giai đoạn 2017-2022, kết quả rèn luyện ở trên đã phản ánh rất rõ thực trạng chất lượng bồi dưỡng học sinh DTTS. Số lượng học sinh có kết quả rèn luyện Tốt và Xuất sắc đạt 85,6% với 9253/10807 học sinh. Kết quả này là điều kiện đảm bảo cho học sinh sau quá trình bồi dưỡng kiến thức hệ DBĐH đủ điều kiện xét chuyên, phân bổ về các cơ sở giáo dục đại học. Không những thế, hằng năm một tỉ lệ lớn học sinh sau thời gian học tập tại các trường DBĐH đã thi lại tốt nghiệp THPT, lấy điểm xét vào các trường an ninh, quân đội, tòa án... đều đạt được những kết quả rất khả quan, nhiều em có điểm đỗ đại học từ 27 điểm trở lên. Điều này khẳng định được chất lượng trong công tác bồi dưỡng hệ DBĐH tại các cơ sở giáo dục dự bị, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng đồng bào DTTS&MN.

2.2.3. Kết quả xét chuyên, phân bổ học sinh vào học tại các cơ sở giáo dục đại học

Quá trình điều tra, khảo sát thực trạng xét chuyên, phân bổ học sinh hoàn thành chương trình bồi dưỡng hệ DBĐH vào học tại các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 4: Kết quả xét chuyển học sinh vào học tại các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2022

TT	Cơ sở giáo dục DBĐH	Tổng số	Kết quả xét chuyển, phân bổ HS vào học tại các cơ sở giáo dục đại học			
			Sức khỏe	Khoa học TN	Khoa học XH	Kinh tế
1	Trường DBĐH Dân tộc Trung ương	2679 (29%)	836	292	718	833
2	Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn	1689 (18%)	352	267	753	317
3	Trường DBĐH Dân tộc TW Nha Trang	1591 (17%)	564	312	559	156
4	Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh	1907 (20%)	503	612	552	240
5	Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc	1071 (12%)	332	129	353	257
TỔNG SỐ		8937 (100%)	258 7 (29 %)	1612 (18%)	2935 (33%)	1803 (20%)

Từ kết quả xét chuyển học sinh vào học tại các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2022 có thể thấy trong tổng số 8937 học sinh được phân bổ thì Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Việt Trì là đơn vị có số học sinh phân bổ lớn nhất với 2679 học sinh, chiếm tỉ lệ 29%. Tiếp đến là Trường DBĐH Dân tộc TP. Hồ Chí Minh có 1907 học sinh được phân bổ, chiếm tỉ lệ 20.0%. Đứng ở vị trí thứ ba là Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn. Trong giai đoạn 2017-2022, nhà trường đã phân bổ được 1689 học sinh vào học tại các trường đại học, chiếm tỉ lệ 18.0%. Trường DBĐH Dân tộc TW Nha Trang xếp vị trí thứ tư khi xét chuyển, phân bổ được 1591 học sinh, chiếm tỉ lệ 17.0%. Đứng ở vị trí thứ năm là Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc với 1071 học sinh được phân bổ, chiếm tỉ lệ 12.0%.

Như vậy, trong tất cả các nhóm ngành mà cơ sở DBĐH phân bổ sau khi học sinh hoàn thành xong chương trình bồi dưỡng hệ DBĐH thì nhóm ngành Khoa học Xã hội và nhóm ngành Sức khỏe là nhóm ngành nhận được sự quan tâm đặc biệt của học sinh DTTS. Điều này cũng góp phần nhận diện được phần nào thực trạng nguồn nhân lực của các địa phương. Từ đó, có thể khẳng định học sinh DTTS có nhu cầu rất lớn được bồi dưỡng hệ DBĐH để có cơ hội học tập tại các trường đại học trọng điểm, đặc biệt các trường có khối ngành Khoa học Xã hội và Sức khỏe. Điều này cũng phản ánh đúng nhu cầu học tập của học sinh DTTS. Bởi lẽ, hằng năm khi đăng kí xét tuyển vào các trường DBĐH, số lượng học sinh khối xã hội chiếm ưu thế so với các khối ngành khác. Lí giải cho điều này, xuất phát từ thực trạng điều kiện cơ sở vật chất, đời sống vật chất, tinh thần của học sinh DTTS và miền núi. Đa phần các em có điều kiện đời sống kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn, lại phân bố ở các vùng xa xôi, hiểm trở. Do đó, việc lựa chọn học khối ngành xã hội, sức khỏe là để các em có thể theo đuổi ước mơ vào các ngành an ninh, quân đội, sư phạm, bác sĩ... vừa đáp ứng được điều kiện kinh tế gia đình, vừa thực hiện ước mơ bản thân.

2.3. Đánh giá thực trạng bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH tại các cơ sở DBĐH

2.3.1. Đánh giá thực trạng tuyển sinh tại các nhà trường

Qua thực tế điều tra, khảo sát, có những phỏng vấn, trao đổi trực tiếp với lãnh đạo các cơ sở giáo dục DBĐH trên cả nước, chúng tôi nhận thấy công tác tuyển sinh hệ DBĐH hiện nay của các nhà trường đang gặp rất nhiều những thách thức và khó khăn. So với các trường đại học trên cả nước, thì số lượng các trường, khoa DBĐH dân tộc không phải là nhiều. Tuy nhiên, các trường DBĐH dân tộc gặp rất nhiều khó khăn trong tuyển sinh. Hiện nay, 3/4 trường DBĐH dân tộc không tuyển đủ chỉ tiêu, trong đó có những trường chỉ tuyển được 50% học sinh, mặc dù học sinh của các trường DBĐH được hưởng rất nhiều ưu đãi như: Học bổng bằng 80% mức lương tối thiểu chung/học sinh/tháng, 12 tháng/năm; được miễn học phí; được hỗ trợ tiền tàu, xe nghỉ hè hoặc nghỉ tết; học phẩm, tiền điện, nước, bảo hiểm y tế...

Những năm gần đây, học sinh DTTS có rất nhiều điều kiện thuận lợi trong việc lựa chọn ngành học khi đăng kí xét tuyển vào các trường đại học. Không những thế, các trường đại học, đặc biệt là đại học top trung bình và “tóp dưới” sử dụng mọi hình thức để tuyển đủ chỉ tiêu, như: hạ điểm chuẩn bằng với điểm sàn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xét tuyển học bạ... Vì vậy, phần lớn chỉ có những học sinh DTTS chưa đạt nguyện vọng đỗ vào các trường đại học trọng điểm thì mới chọn con đường bồi dưỡng qua hệ DBĐH.

Việc đảm bảo chỉ tiêu hệ dự bị đại dân tộc học hằng năm mang ý nghĩa cả về sách lược và chiến lược trong công tác nâng cao chất lượng tạo nguồn nhân lực cho vùng DTTS và miền núi. Tuy nhiên, nhu cầu của học sinh đối với loại hình DBĐH đang ngày càng giảm sút do chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố về khoảng cách địa lý, điều kiện kinh tế gia đình, sự thay đổi trong thị trường lao động cần nhiều thợ hơn thầy,... Đây là những khó khăn, thách thức mà rất cần các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương, các cơ sở giáo dục DBĐH phải tìm cách tháo gỡ, có hướng đi đột phá để vừa đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cũng như nâng cao chất lượng bồi dưỡng nhằm tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao cho vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2.3.2. Đánh giá thực trạng dưỡng tại các nhà trường

Bám sát nhiệm vụ các năm học, trong những năm qua, hệ thống các cơ sở giáo dục DBĐH tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong công tác giáo dục và đào tạo của các Nhà trường. Tổng hợp các ý kiến, văn bản, báo cáo của các nhà trường, chúng tôi nhận thấy thực trạng bồi dưỡng tại các nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu, đáp ứng tốt thực tiễn đổi mới của giáo dục trong tình hình mới. Kết quả học tập và rèn luyện hằng năm tại các cơ sở giáo dục đã phản ánh đúng thực trạng công tác giáo dục bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH.

2.3.3. Đánh giá thực trạng xét chuyển, phân bổ học sinh vào học tại các cơ sở giáo dục đại học

Trước đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lí chịu trách nhiệm trực tiếp về việc giao chỉ tiêu phân bổ học sinh đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng hệ DBĐH về các trường đại học. Do đó, vấn đề phân bổ học sinh có nhiều điều kiện thuận lợi đối với các cơ sở giáo dục DBĐH trên cả nước. Tuy nhiên, từ năm học 2019-2020, việc phân bổ học sinh sau khi hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức văn hóa trung học phổ thông ở các trường dự bị đại học về học tập tại các trường đại học đã trở nên khó khăn hơn. Nguyên nhân chính là việc các trường đại học được tự chủ

trong việc nhận chỉ tiêu phân bổ học sinh từ các trường DBĐH. Theo đó, các trường đại học giảm chỉ tiêu tiếp nhận hệ DBĐH so với những năm trước đó. Đặc biệt ở các trường đại học trọng điểm đào tạo nhóm ngành sức khỏe, kinh tế như: Trường Đại học Y, Dược Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Thái Bình; Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính,... Bên cạnh đó, các trường đại học trọng điểm cũng đưa ra rất nhiều tiêu chí phụ trong việc xét tuyển nên càng tạo áp lực và khó khăn không những cho học sinh mà còn cho các cơ sở giáo dục DBĐH.

3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh hệ DBĐH tại các cơ sở giáo dục DBĐH

3.1. Xây dựng, phát triển các trường DBĐH từng bước tiệm cận với mô hình của hệ thống sinh thái học tập; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục

Trong xu thế chung của giáo dục hiện đại, xây dựng một nền giáo dục thông minh tiệm cận với mô hình của hệ thống sinh thái học tập đang trở thành chủ đề nóng trên các diễn đàn, sự kiện, hội thảo khoa học giáo dục cấp quốc gia và quốc tế. Mục đích chính của nền giáo dục trong thời đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là mang đến cho xã hội nguồn nhân lực có khả năng vận dụng công nghệ 4.0 vào thực tiễn giáo dục nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập. Từ yêu cầu đó, các trường DBĐH cần chú trọng xây dựng và phát triển nền giáo dục nhà trường đạt tới mô hình của hệ thống sinh thái học tập, điểm nhấn là hệ thống công nghệ tiên tiến với các nền tảng công nghệ thông tin hiệu quả để vận hành hệ thống quản lý học tập (Learning management system - LMS). Hệ sinh thái học tập bao gồm các bên liên quan tham gia vào toàn bộ chuỗi của quá trình học tập, các tiện ích học tập, môi trường học tập và trong ranh giới cụ thể - ranh giới môi trường học tập. Cụ thể, hệ sinh thái học tập gồm có các hệ thống sau hợp thành:

Hệ thống chủ thể học tập (người học, giáo viên, nhóm,...).

Hệ thống tri thức học tập (chương trình, bài giảng, giáo án, sách giáo khoa, tài liệu thư viện, tri thức người học, tri thức người dạy, tri thức nhóm, tri thức trên không gian mạng,...)

Hệ thống công nghệ học tập (mạng Internet, hệ thống E-learning, các phần mềm hỗ trợ học tập, các công cụ tìm kiếm tra cứu trên mạng Internet, các phần mềm mô phỏng đi thực tế, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận,...)

Hệ thống công nghệ học tập ngày càng đóng vai trò quan trọng và có những thay đổi nhanh nhất trong hệ thống sinh thái học tập giữa bối cảnh của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Đây là môi trường giáo dục gắn với việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, hướng tới phát triển năng lực trí tuệ của người học và người dạy. Trong môi trường ấy, người học được coi là đối tượng trung tâm, được tương tác với các công nghệ giáo dục; qua đó tạo sự kích thích, hứng thú và cả những thách thức do sự phức tạp mà người học phải đối mặt, từ đó hình thành nên những kỹ năng để đối phó với những khó khăn, phức tạp.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục DBĐH cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục qua việc tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý trong dạy và học; tập trung xây dựng và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng E-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học; triển khai mô hình giáo dục điện tử, lớp học, trường học thông minh,...

Áp dụng mạnh mẽ phương pháp học trực tuyến, kết hợp giữa phương pháp học truyền thống với học trực tuyến để tạo thuận lợi cho nhiều người học tập. Đặc biệt, đầu tư mạnh mẽ trong việc áp dụng vào dạy và học những công nghệ thực ảo, hướng phát triển chủ đạo của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm tăng cường các mức độ trải nghiệm trực tiếp, qua đó nâng cao hơn nữa hiệu quả của học tập.

3.2. Đổi mới chương trình, nội dung bồi dưỡng, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, bám sát chương trình giáo dục phổ thông 2018

Chương trình bồi dưỡng cần được thiết kế linh hoạt, theo hướng mở, đáp ứng yêu cầu trong việc bồi dưỡng kiến thức văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tiệm cận với chương trình giảng dạy tại các trường đại học. Trong môi trường của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, phương pháp giáo dục và đào tạo phải được đổi mới toàn diện theo hướng lấy người học làm trung tâm, đồng thời đổi mới cách kiểm tra, đánh giá người học theo năng lực. Đây mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Thay đổi căn bản cách học tập và giảng dạy trong các nhà trường với những chỉ tiêu giám sát kết quả cụ thể.

Quan trọng hơn, để tiệm cận và sớm đạt tới chuẩn trọng yêu cầu của giáo dục 4.0 thì các cơ sở DBĐH cần chú trọng áp dụng cách tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm đáp ứng cao nhất các nhu cầu cá nhân hóa học tập, đồng thời hình thành các kỹ năng như: giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý con người, tư duy phản biện... nhằm đối phó với sự bất ổn của thời đại công nghiệp 4.0. Do đó, khi xây dựng chương trình bồi dưỡng cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, có tính mở và tổ hợp cao, trong đó chú trọng đến giáo dục văn hóa dân tộc và tri thức địa phương. Việc sưu tầm, biên soạn tài liệu để đưa vào giảng dạy trong các trường DBĐH nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Nói cách khác, chương trình phải được xây dựng theo hướng làm tăng hứng thú học tập, tăng khả năng học tập cho người học, tăng tính hiệu quả của chương trình.

3.3. Phát triển đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên là yếu tố quyết định đến thành công của nhà trường. Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giáo viên phải được các cơ sở giáo dục DBĐH đặc biệt quan tâm để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Theo đó, nhà trường cần phải đánh giá thực trạng giáo viên về số lượng, chất lượng theo các tiêu chuẩn, tiêu chí giáo viên trong nhà trường. Không những thế, nhà trường cần thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng năng lực giáo viên theo từng giai đoạn, có tính kế thừa và phát triển.

Trong thời đại công nghệ phát triển như vũ bão, giáo viên phải không ngừng nỗ lực, phấn đấu để có trình độ chuyên môn vững vàng, năng lực sư phạm hiện đại, năng lực sử dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong quá trình dạy học và hỗ trợ học sinh học tập. Các trường DBĐH cần phát triển đội ngũ nhà giáo theo khung năng lực, đáp ứng các yêu cầu của vị trí việc làm; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và sử dụng theo quy hoạch, vận dụng các chính sách tạo động lực làm việc, cống hiến và sáng tạo của đội ngũ. Quản lý, sắp xếp đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn để đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc; hợp tác sâu rộng, hai chiều với các cơ sở giáo dục đại học đảm bảo việc phân bổ cũng như chất lượng bồi dưỡng trước khi học sinh vào học tại các trường đại học trọng điểm.

3.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ quá trình bồi dưỡng

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường là yếu tố cốt lõi trong chiến lược xây dựng môi

trường giáo dục ở các trường DBĐH dân tộc. Bởi, nó là một trong các yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai hoạt động sư phạm, đến chất lượng và hiệu quả giảng dạy của giáo viên, học sinh cũng như công tác quản lý nhà trường. Thực trạng cho thấy, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho việc xây dựng môi trường giáo dục ở hệ thống các trường dự bị còn nhiều nhiều hạn chế. Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ phục vụ hoạt động sư phạm của các nhà trường cần được nghiên cứu, kế hoạch hóa hoạt động đầu tư, xác định và lựa chọn các hạng mục đầu tư để đảm bảo các yếu tố đồng bộ, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Hệ thống nhà điều hành, phòng học, nhà đa năng, hội trường, kí túc xá... cần được xây mới, duy tu. Hệ thống máy tính có nối mạng Internet, bảng tương tác, bục giảng thông minh, máy tính bảng cá nhân cho học sinh, hệ thống băng thông rộng chất lượng cao, hệ thống các phần mềm dạy và học, hệ thống các phần mềm quản lý, hệ thống camera giám sát và điều khiển các hoạt động của nhà trường... là những hạng mục cần được xem xét để đầu tư.

4. KẾT LUẬN

Trong nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực DTTS&MN, chính sách bồi dưỡng hệ DBĐH cho học sinh là người DTTS&MN đã góp phần to lớn trong đào tạo nguồn nhân lực vùng DTTS&MN suốt thời gian qua. Tìm hiểu thực trạng bồi dưỡng học sinh hệ dự bị đại học tại các cơ sở giáo dục dự bị đại học giai đoạn 2017-2022, nhóm nghiên cứu đã khảo sát ý kiến, đánh giá khách quan của các cơ sở dự bị về năng lực học tập của học sinh. Để nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh, các cơ sở giáo dục dự bị cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, bám sát yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông và giáo dục đại học. Có như vậy, giáo dục dự bị đại học mới khẳng định được vị trí, vai trò trong hệ thống giáo dục quốc dân, là điểm tựa vững chắc cho học sinh DTTS&MN được vào học tại các trường đại học trọng điểm trên cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003). *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về Công tác dân tộc*. Hà Nội.
2. Chính phủ (2016). *Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
3. Quốc hội (2019). *Luật số:43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội ban hành Luật Giáo dục*. Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Thông tư 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị dân tộc*. Hà Nội.

CURRENT SITUATION OF PRE - UNIVERSITY FOSTERING AT PRE - UNIVERSITY EDUCATION INSTITUTIONS IN THE PERIOD OF 2017-2022

Summary: From its inception to its revolutionary leadership process, our party has always identified national issues, national work and national unification as strategic aspects of our revolution. After the liberation of the country, many pre-university schools across the country were established to train, promote and create human resources for ethnic minorities and mountainous areas. Nearly half a century of construction and development, the pre-university school system has confirmed its role, role, and fundamental tasks in ethnic education... As a

result, the study and investigation of the situation of the pre-university system in the post-university education institutions constitutes an important work, contributing to the creation of a source of high-quality human resources training for ethnic minority and mountainous areas, and at the same time implementing policy, party and national policies on ethnic affairs in the implementation of the National Objective Programme for the Socio-Economic Development of Ethnic Minorities until 2030.

Keywords: *Fostering, university preparation, ethnic minorities and mountainous, students, current situation*